

GDI

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIA ĐỊNH

67 NGUYỄN THỊ MINH KHAI - QUẬN 1 - TP.HCM

MST : 0305141929



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
QUÝ 02 NĂM 2018**

NĂM 2018

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIA ĐỊNH
Địa chỉ : 67 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bến Thành, Q1-TP.HCM

Mẫu số B 01- DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính: đồng

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	31/12/2017
1	2	3	4	5
A. Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		272,065,089,782	268,752,086,571
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.01	20,920,509,823	70,279,739,785
1. Tiền	111		13,920,509,823	7,379,739,785
2. Các khoản tương đương tiền	112		7,000,000,000	62,900,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.02	170,021,762,200	116,206,122,400
1. Chứng khoán kinh doanh	121		47,618,484,520	43,802,844,720
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		(3,558,694,320)	(3,558,694,320)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		125,961,972,000	75,961,972,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	VI.03	74,189,597,435	75,302,729,856
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		626,132,650	-
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2,490,625,544	2,490,136,000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		41,689,853,693	41,689,853,693
4. Phải thu ngắn hạn khác	136		37,226,926,535	38,966,681,150
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(7,843,940,987)	(7,843,940,987)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150	VI.05	6,933,220,324	6,963,494,530
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6,866,653,114	6,932,720,665
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		66,567,210	30,773,865
B. Tài sản dài hạn (200= 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		429,146,903,637	430,299,693,658
I. Các khoản phải thu dài hạn khác	210	VI.06	170,901,000	170,901,000
1. Phải thu dài hạn khác	216		170,901,000	170,901,000
II. Tài sản cố định	220	VI.07	595,012,255	758,171,743
1. Tài sản cố định hữu hình	221		595,012,255	758,171,743
- Nguyên giá	222		1,727,994,091	1,727,994,091
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(1,132,981,836)	(969,822,348)
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.08	43,029,084,722	44,008,996,810
- Nguyên giá	231		49,797,257,234	49,797,257,234
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(6,768,172,512)	(5,788,260,424)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	VI.09	285,962,919,221	285,895,921,221
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		1,250,769,912	1,250,769,912
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		284,712,149,309	284,645,151,309

Tài sản	Mã số	Thuyết minh	30/06/2018	31/12/2017
1	2	3	4	5
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	VI.10	99,205,385,976	99,205,385,976
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1,600,000,000	1,600,000,000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		98,000,000,000	98,000,000,000
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(394,614,024)	(394,614,024)
VI. Tài sản dài hạn khác	260	VI.11	183,600,463	260,316,908
1. Chi phí trả trước dài hạn khác	261		183,600,463	260,316,908
Tổng cộng tài sản (270 = 100 + 200)	270		701,211,993,419	699,051,780,229
C. Nợ phải trả (300 = 310 + 330)	300		210,128,708,491	210,029,116,613
I. Nợ ngắn hạn	310	VI.12	210,128,708,491	210,029,116,613
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		5,535,689,756	5,542,819,756
2. Người mua trả tiền trước	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		202,019,328	607,565,734
4. Phải trả cho người lao động	314		-	Y N TRIỀN
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		126,882,645	
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		204,264,116,762	203,878,731,123
D. Vốn chủ sở hữu (400 = 410 + 430)	400		491,083,284,928	489,022,663,616
I. Vốn chủ sở hữu (410 = 411 + 412 + 418 + 420 + 421)	410	VI.14	491,083,284,928	489,022,663,616
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		378,700,000,000	378,700,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		378,700,000,000	378,700,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		88,581,030,550	88,581,030,550
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		6,737,701,502	6,737,701,502
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17,064,552,876	15,003,931,564
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15,003,931,564	11,420,922,040
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2,060,621,312	3,583,009,524
Tổng cộng nguồn vốn (440 = 300 + 400)	440		701,211,993,419	699,051,780,229

TP.HCM, ngày 12 tháng 07 năm 2018

Người lập

Nguyễn Thùy Liên

Kế toán trưởng

Huỳnh Chí Ngọc Diệp

Tổng giám đốc



Võ Trung Cường

Đơn vị : CÔNG TY CP ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIA ĐỊNH
Địa chỉ : 67 Nguyễn Thị Minh Khai, P.Bến Thành, Q1-TP.HCM

Mẫu số B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
QUÝ 02 NĂM 2018

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 02		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2018	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2017
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VII.1	827,511,500	508,479,000	1,356,090,500	1,045,598,303
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2	VII.2				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		827,511,500	508,479,000	1,356,090,500	1,045,598,303
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.3	627,386,769	471,597,157	1,110,199,733	972,619,281
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		200,124,731	36,881,843	245,890,767	72,979,022
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.4	3,293,323,002	2,193,016,117	4,299,215,274	3,687,152,659
7. Chi phí tài chính	22	VII.5	353,993,183	1,487,046	353,993,183	1,011,878,113
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23					
8. Chi phí bán hàng	25	VII.8			17,272,728	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.8	868,155,288	986,356,644	1,797,199,490	2,049,384,009
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		2,271,299,262	1,242,054,270	2,376,640,640	698,869,559
11. Thu nhập khác	31	VII.6				
12. Chi phí khác	32	VII.7	57,000,000	55,000,000	114,000,000	115,109,099
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-57,000,000	-55,000,000	-114,000,000	-115,109,099
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2,214,299,262	1,187,054,270	2,262,640,640	583,760,460
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.10	180,951,052	61,485,894	202,019,328	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		2,033,348,210	1,125,568,376	2,060,621,312	583,760,460
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		53.69	29.72	54.41	15.41
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

TP.HCM, ngày 12 tháng 07 năm 2018

Người lập

Nguyễn Thùy Liên

Kế toán trưởng

Huỳnh Thị Ngọc Diệp



Tổng giám đốc

Võ Trung Cường

BÁO CÁO LUU CHUYEN TIỀN TÈ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2018

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm 2018	Năm 2017
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		15,348,780,400	2,508,701,600
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(615,983,903)	(1,281,997,366)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(750,209,142)	(1,948,324,340)
4. Tiền lãi vay đã trả	04			
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(607,565,734)	(885,170,137)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		10,157,927,990	3,717,586,660
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(24,258,723,573)	(1,908,733,958)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(725,773,962)	202,062,459
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(50,000,000,000)	(10,961,972,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			40,220,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25			
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,366,544,000	2,922,944,799
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(48,633,456,000)	32,180,972,799
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34			
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(49,359,229,962)	32,383,035,258
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		70,279,739,785	37,896,704,527
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đổi quy đổi ngoại tệ	61.			
Tiền và tương đương dòng tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		20,920,509,823	70,279,739,785

Người lập

Nguyễn Thùy Liên

Kế toán trưởng

Huynh Chi Ngọc Diệp



Tổng giám đốc

Võ Trung Chung

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Phát Triển Gia Định là doanh nghiệp cổ phần. Công ty hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103007536 ngày 09/08/2007 và được thay đổi lần thứ 1 ngày 15/04/2011 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp và Giấy chứng nhận đăng ký thuế ngày 31/08/2007 do Cục thuế TP.HCM cấp.

Ngày 07/02/2012, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 2 theo số 0305141929 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp là do có sự thay đổi bổ sung mở rộng lãnh vực ngành nghề hoạt động kinh doanh.

Ngày 04/12/2013, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 3 theo số 0305141929 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp là do có sự thay đổi về điều chỉnh giảm vốn điều lệ từ **400.000.000.000 đồng** giảm còn **378.700.000.000 đồng**.

Ngày 11/07/2016, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 4 theo số 0305141929 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp là do có sự thay đổi về điều chỉnh người đại diện theo pháp Luật của Công ty.

Ngày 04/12/2017, Công ty đăng ký thay đổi lần thứ 5 theo số 0305141929 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp là do có sự thay đổi về điều chỉnh người đại diện theo pháp Luật của Công ty.

Tại kỳ kết thúc báo cáo tài chính 30/06/2018

Vốn điều lệ : 378.700.000.000 đồng

Vốn góp thực tế đến ngày 30/06/2018 là : **378.700.000.000 đ** (Ba trăm bảy mươi tám tỷ bảy trăm triệu đồng chẵn).

Công ty có 100% vốn góp Cổ phần

Trụ sở của Công ty tại số 67 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bến Thành, Quận 1, TP.HCM.

Địa chỉ giao dịch hiện nay của Công ty: Tầng 6 tòa nhà Thiên Sơn số 5 Nguyễn Gia Thiều, Phường 6, Q 3, TP.HCM

2. Linh vực kinh doanh

Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, dịch vụ, thương mại.

3. Ngành nghề kinh doanh

Tư vấn đầu tư, quản lý kinh doanh (trừ tư vấn tài chính kế toán). Xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp, thủy lợi, giao thông hạ tầng kỹ thuật - San lấp mặt bằng -Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê: Kinh doanh nhà ở -cho thuê văn phòng - kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không kinh doanh tại trụ sở). Trang trí nội thất, dịch vụ nghiên cứu, phân tích thị trường, môi giới thương mại, dịch vụ truyền thông đa phương tiện - Quảng cáo thương mại - Dịch vụ tiếp thị - Dịch vụ tổ chức lễ hội - Mua bán sản phẩm máy móc thiết bị công nghệ, phụ tùng, vật tư và nguyên phụ liệu ngành công nghiệp.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán :

Bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 năm 2018 và kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2018.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính và các nghiệp vụ kế toán được lập và ghi số bằng Đồng Việt Nam (VND).

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được qui đổi ra đồng Việt Nam, tỷ giá áp dụng vào ngày phát sinh nghiệp vụ.



III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Công ty áp dụng chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/06/2006, và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do Bộ Tài chính ban hành.
- Ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 do BTC ban hành.
- Công ty sử dụng hình thức kế toán : Nhật ký chung.

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Ghi nhận ban đầu công cụ tài chính:

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay ngắn hạn và phải thu khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu:

Hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền: Bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính chứng khoán kinh doanh : Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh, chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn : Bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, gồm các khoản tiền gửi Ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lợi hàng tháng, hàng ký và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản cho vay: Được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào Công ty liên kết: Công ty liên kết là một Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty, ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào Công ty liên kết theo giá gốc, Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có), dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tồn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác: Phần ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên đầu tư, khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Hợp đồng hợp tác kinh doanh: là hợp đồng thỏa thuận của hai bên hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập, các Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) mà Công ty đã tham gia ký kết cho phép bên tham gia Hợp đồng được hưởng lợi nhuận được chia phát sinh từ dự án. Vì vậy, các hợp đồng này được hạch toán căn cứ vào bản chất của từng Hợp đồng theo quy định hiện hành.

Nợ phải thu: Là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác, nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao : Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. TSCĐ hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa - vật kiến trúc	20-25
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	3-5

Thuê hoạt động : Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

* **Công ty là bên cho thuê :** Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê, chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

* **Công ty là bên đi thuê:** Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tài sản dở dang dài hạn: Được thể hiện từ các chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của các dự án với mục đích xây dựng để bán hoặc cho thuê trong phạm vi kinh doanh của Công ty và được phân loại là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn dựa trên chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty, tài sản dở dang dài hạn được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí đền bù, chi phí giải tỏa, chi phí xây dựng, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình xây dựng dự án. Giá trị thuần có thể thực hiện được khi được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, chi phí bán hàng và chi phí phân phối khi có phát sinh.

Dự phòng giảm giá tài sản dở dang dài hạn của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niêm độ kế toán.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang: Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc, chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Bất động sản đầu tư : Bao gồm nhà cửa, vật kiến trúc do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư. Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 25 năm.

Các khoản trả trước : Bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán, chi phí trả trước gồm chi phí sửa chữa văn phòng đi thuê, giá trị công cụ dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả: Được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này, các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Tổng giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niêm độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu :

* **Doanh thu cung cấp dịch vụ :** Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch có được xác định một cách đáng tin cậy, trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm là theo kết

qua phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán của năm đó, kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

* **Doanh thu bất động sản công ty là chủ đầu tư:** Được ghi nhận và được xác định khi thỏa mãn tất cả năm điều kiện như

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, doanh nghiệp đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Cty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản,
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

* **Doanh thu hoạt động tài chính:** Được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi

- Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.
- Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thuế :

* **Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành:** Là số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong quý, trong năm, thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

* **Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:** Được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản, thuế TNDN hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với số thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế TNDN phải nộp và thuế TNDN hoãn lại của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế, tuy nhiên những quy định này sẽ thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan Thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam

- * Thuế thu nhập doanh nghiệp: Áp dụng mức thuế suất 20%
- * Các loại thuế khác và lệ phí nộp thuế theo quy định hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

VI Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong bảng cân đối kế toán

01 Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/06/18 VNĐ	31/12/17 VNĐ
Tiền mặt	3,767,324	3,059,580
Tiền giữ thanh toán	13,916,742,499	7,376,680,205
Tiền giữ có kỳ hạn 1 tháng	7,000,000,000	62,900,000,000
Cộng	20,920,509,823	70,279,739,785

02 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	30/06/18 VNĐ	31/12/17 VNĐ
Chứng khoán kinh doanh- Giá gốc	47,618,484,520	43,802,844,720
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	(3,558,694,320)	(3,558,694,320)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	125,961,972,000	75,961,972,000
- Tiền gửi kỳ hạn 12 tháng	10,961,972,000	10,961,972,000
- Chứng chi tiền gửi kỳ hạn 6 tháng	10,000,000,000	
- Tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng	40,000,000,000	
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Phú An	65,000,000,000	65,000,000,000
Cộng	170,021,762,200	116,206,122,400

Mã chứng khoán	SL cổ phiếu	Giá mua/1CP	Giá trị đầu tư	Giá thị trường	Dự phòng
<i>Chứng khoán niêm yết</i>					
DLG	71,820	8,772	600,000,000	267,170,400	(332,829,600)
ITC	160,000	18,030	2,884,849,417	2,272,000,000	(612,849,417)
SAS	862,200	32,047	27,630,556,103	25,776,288,800	(1,854,267,303)
BBT	30	4,640	139,200	471,000	331,800
ACB	100,000	43,191	4,319,079,800	3,560,000,000	(759,079,800)
<i>Chứng khoán chưa niêm yết</i>					
LGM	729,200	16,709	12,183,860,000	12,183,860,000	
Cộng	1,923,250		47,618,484,520	44,059,790,200	(3,558,694,320)

03 Các khoản phải thu ngắn hạn

	30/06/18 VNĐ	31/12/17 VNĐ
<i>Phải thu ngắn hạn của khách hàng</i>		
- Cty CP Đầu tư - Kinh doanh nhà (Intresco)	626,132,650	-
- Văn phòng đại diện Hooker Furniture Corporation tại TP.HCM	284,605,750	-
	341,526,900	-
Trả trước cho người bán ngắn hạn	2,490,625,544	2,490,136,000
- Công ty TNHH nội thất Bền Vững	29,700,000	29,700,000
- Công ty TNHH bê tông và xây dựng Minh Đức	964,986,000	964,986,000
- Công ty CP tư vấn Thiết kế Xây dựng	1,399,200,000	1,399,200,000
- Công ty CP kiểm định Xây dựng Sài Gòn	96,250,000	96,250,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

- Công ty TNHH Thiên Sơn	489,544	
<i>Phải thu về cho vay ngắn hạn</i>	41,689,853,693	41,689,853,693
- Công ty CP Tập Đoàn Khang Thông	41,689,853,693	41,689,853,693
<i>Các khoản phải thu ngắn hạn khác</i>	37,226,926,535	38,966,681,150
- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Phát triển Hạ tầng Phú An	8,312,500,000	8,312,500,000
- Công ty CP Tập Đoàn Khang Thông	5,532,285,590	5,532,285,590
- Công ty CP Da Giày SaGoDa	-	1,644,922,847
- Lê Công Chương	9,071,245,470	9,071,245,470
- Công ty CP Đào tạo và Phát triển Nhân Lực Gia Định	2,850,000,000	4,350,000,000
- Công ty CP Dệt may Gia Định	1,054,206,959	1,054,206,959
- Công ty CP tư vấn Đầu tư Truyền Thông Đại Nam	70,000,000	70,000,000
- OceanBank CN Sài Gòn PGD Lý T.Kiệt - Tr/trước lãi TG có kỳ hạn	648,096,143	285,742,069
- SCB-CN Phạm Ngọc Thạch, TP.HCM- Trích trước lãi TG có kỳ hạn	-	31,930,556
- PGBank- CN Sài Gòn - Trích trước lãi TG có kỳ hạn	200,794,521	98,465,277
- OCB- CN TP.HCM - Trích trước lãi TG có kỳ hạn	-	4,125,000
- HDBank- CN Hiệp Phú, TP.HCM - Trích trước lãi TG có kỳ hạn	283,863,012	-
- VPBank- CN TP.HCM- Trích trước lãi TG có kỳ hạn	616,191,782	-
- Phạm Thị Thu Phương	259,797	246,198
- Nguyễn Sơn Trà	42,000,000	-
- Võ Trung Cương	1,403,887	-
- Võ Việt Trung	308,000,000	308,000,000
- Hà Viết Thanh	2,265,953,235	2,265,953,235
- Chi phí Dự án Gia Định Plaza-07 Trường Chinh	2,065,080,793	2,065,080,793
- Chi phí Dự án Lega Fashion House-106 đường 3/2	1,535,125,000	1,535,125,000
- Chi phí Dự án 16/1 Âu Cơ	21,000,000	21,000,000
- Chi phí Dự án 354 Bên Chương Dương	1,470,500,000	1,470,500,000
- Chi phí Dự án Đăk Nông	335,200,000	335,200,000
- Chi phí Dự án 66 Trần Bình Trọng	190,000,000	190,000,000
- Chi phí Dự án Thoại Ngọc Hầu- Số 1005-1009	44,000,000	44,000,000
- Chi phí Dự án Trường Sơn- Số 11	20,000,000	20,000,000
- Chi phí khám sức khỏe định kỳ cho CB-CNV	-	731,810
- Chi phí phải trả tiền thưởng, lễ cho CB-CNV	287,220,346	255,420,346
- Trần Văn Ba	2,000,000	-
- Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7,843,940,987)	(7,843,940,987)
Cộng	74,189,597,435	75,302,729,856

05 Tài sản ngắn hạn khác

	30/06/18	31/12/17
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	6,866,653,114	6,932,720,665
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Thuế TNCN)	66,567,210	30,773,865
Cộng	6,933,220,324	6,963,494,530

Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (Thuế TNCN)

Cộng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

06 Các khoản phải thu dài hạn khác

	30/06/18 VNĐ	31/12/17 VNĐ
Phải thu dài hạn khác		
- Công ty TNHH Thiên Sơn - Tiền GDI đặt cọc thuê VP làm việc	170,901,000	170,901,000
Cộng	170,901,000	170,901,000

07 Tài sản cố định - Hữu hình

	Máy móc TB công tác	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VNĐ	VNĐ	VNĐ	VNĐ
Nguyên giá				
Tại ngày 01/01/2018		1,320,881,818	407,112,273	1,727,994,091
- Mua sắm trong kỳ		-	-	-
- Giảm trong kỳ		-	-	-
Tại ngày 30/06/2018	-	1,320,881,818	407,112,273	1,727,994,091
Khấu hao				
Tại ngày 01/01/2018		779,687,192	190,135,156	969,822,348
- Khấu hao trong kỳ		110,073,486	53,086,002	163,159,488
- Giảm trong kỳ		-	-	-
Tại ngày 30/06/2018	-	889,760,678	243,221,158	1,132,981,836
Giá trị còn lại				
Tại ngày 01/01/2018	-	541,194,626	216,977,117	758,171,743
Tại ngày 30/06/2018	-	431,121,143	163,891,115	595,012,255

08 Bất động sản đầu tư

	Nhà cửa vật kiến trúc	Cộng
	VNĐ	VNĐ
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2018	49,797,257,234	49,797,257,234
- Mua sắm trong kỳ	-	-
- Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2018	49,797,257,234	49,797,257,234
Khấu hao		
Tại ngày 01/01/2018	5,788,260,424	5,788,260,424
- Khấu hao trong kỳ	979,912,088	979,912,088
- Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 30/06/2018	6,768,172,512	6,768,172,512
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2018	44,008,996,810	44,008,996,810
Tại ngày 30/06/2018	43,029,084,722	43,029,084,722

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

09 Tài sản dở dang dài hạn

	30/06/18	31/12/17
	VNĐ	VNĐ
<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn</i>		
- Dự án 66 Trần Bình Trọng	916,050,891	916,050,891
- Dự án Trường Sơn- Số 11	334,719,021	334,719,021
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>	284,712,149,309	284,645,151,309
- Dự án Gia Định Plaza-07 Trường Chinh	230,404,517,290	230,337,519,290
- Dự án 354 Bến Chương Dương	38,432,000,657	38,432,000,657
- Dự án Lega Fashion House-106 đường 3/2	15,875,631,362	15,875,631,362
Cộng	285,962,919,221	285,895,921,221

10 Đầu tư tài chính dài hạn

	30/06/18	31/12/17
	VNĐ	VNĐ
- Công ty CP Đào tạo và Phát triển Nhân Lực Gia Định (Trường Trung cấp Bến Thành)	1,600,000,000	1,600,000,000
- Công ty CP Đầu tư Khang Thông	98,000,000,000	98,000,000,000
- Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	(394,614,024)	(394,614,024)
Cộng	99,205,385,976	99,205,385,976

Mã chứng khoán

Chứng khoán chưa niêm yết

Công ty CP Đào tạo và PT Nhân Lực Gia Định	1,600,000,000	1,205,385,976	(394,614,024)
Cộng	1,600,000,000	1,205,385,976	(394,614,024)

11 Tài sản dài hạn khác

	30/06/18	31/12/17
	VNĐ	VNĐ
<i>Chi phí trả trước dài hạn khác</i>		
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	62,375,437	93,632,498
- Chi phí sửa chữa VP lớn chờ phân bổ	121,225,026	166,684,410
	183,600,463	260,316,908

12 Nợ ngắn hạn

	30/06/18	31/12/17
	VNĐ	VNĐ
<i>Phải trả cho người bán ngắn hạn</i>		
- Công ty CP Đầu tư kinh doanh nhà - Intresco	831,610,000	831,610,000
- Công ty CP bê tông Ly Tâm Thủ Đức 1	2,524,707,625	2,524,707,625
- Công ty TNHH TM-Xây dựng Giao thông Phú Hòa	122,245,000	122,245,000
- Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Vân Ý	-	2,750,000
- Công ty TNHH TM DV Thiết kế và TTNT Thái Thuận Hòa của Việt	15,001,597	15,001,597
- Công ty CP tư vấn Thiết kế Bắc Bộ	1,099,865,534	1,099,865,534

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

- Công ty CP Đầu tư Xây dựng Sông Đà	216,260,000	216,260,000
- Công ty CP tư vấn Vi Ta	726,000,000	726,000,000
- Công ty CP Lê Bảo Minh	-	495,000
- Đỗ Hạnh Quyên	-	3,885,000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	202,019,328	607,565,734
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	202,019,328	607,565,734
Phải trả ngắn hạn khác	126,882,645	-
- Trích trước chi phí khấu hao TSCĐ	126,882,645	-
Phải trả ngắn hạn khác	204,264,116,762	203,878,731,123
- Công ty TNHH XD TM Cầu đường Vĩnh Hưng- Đặt cọc tiền thuê 10 căn nhà liên kế Quận 8	180,000,000	180,000,000
- Cố định khác- Tiền cỗ tức chưa nhận từ những trước (2008-2013)	544,533,498	544,533,498
- Văn phòng đại diện Hooker Furniture Corporation tại TP.HCM	341,526,900	-
- Bảo hiểm xã hội Quận 1- Mã đơn vị: TA06A	-	2,045,864
- Công ty CP ĐT&TV Tài chính Liên Việt - Vốn góp vào DA Gia Định Plaza	161,174,178,268	161,174,178,268
- Công ty CP Dệt may Gia Định - Vốn góp vào DA Gia Định Plaza	20,826,000,000	20,826,000,000
- Công ty CP Tập Đoàn Đại Dương - Vốn góp vào DA Gia Định Plaza	4,700,000,000	4,700,000,000
- Công ty CP Tập Đoàn Đại Dương - Vốn góp vào DAlega Fashion House	16,254,247,680	16,254,247,680
- Hội đồng Quản trị - Chi phí thù lao chưa nhận	104,318,185	75,409,095
- Ban kiểm soát - Chi phí thù lao chưa nhận	72,318,188	48,318,188
- Khám sức khỏe định kỳ cho CB-CNV	233,190	-
- Hà Việt Thanh	39,425,298	39,425,298
- Phạm Thị Thu Phương	-	2,273,201
- Trần Cửu Long	-	31,251,637
- Huỳnh Thị Ngọc Diệp	-	974,773
- Đinh Thị Hà	6,661	6,661
- Trần Văn Ba	-	66,960
- Bùi Thị Bưởi	328,894	-
- Vũ Thị Ngọc	27,000,000	-
Cộng	210,128,708,491	210,029,116,613

14 Vốn chủ sở hữu

	TL% vốn góp	30/06/18 VNĐ	31/12/17 VNĐ
Vốn đầu tư chủ sở hữu - Cố định sáng lập	32.2%	122,000,000,000	122,000,000,000
- Công ty CP Dệt may Gia Định (GIDITEX)	15.8%	60,000,000,000	60,000,000,000
- Công ty CP May Sài Gòn 3	5.3%	20,000,000,000	20,000,000,000
- Công ty CP Tập Đoàn Khang Thông	11.1%	42,000,000,000	42,000,000,000
Vốn đầu tư chủ sở hữu - Cố định phổ thông	67.8%	256,700,000,000	256,700,000,000
- Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn	6.6%	25,000,000,000	25,000,000,000
- Công ty CP Đầu tư kinh doanh nhà (INTRESCO)	5.6%	21,250,000,000	21,250,000,000
- Công ty quản lý kinh doanh nhà Thành Phố	5.0%	18,750,000,000	18,750,000,000
- Công ty CP Long Hậu	3.2%	12,268,750,000	12,268,750,000
- Tổng Công ty CP Phong Phú	2.3%	8,808,080,000	8,808,080,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

- Công ty CP SX TM May Sài Gòn	2.2%	8,439,500,000	8,439,500,000
- Công ty CP Legamex	2.1%	8,000,000,000	8,000,000,000
- Công ty TNHH Hóa Chất Tân Phú Cường	1.1%	4,350,000,000	4,350,000,000
- Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn	1.7%	6,250,000,000	6,250,000,000
- Công ty CP bóng đèn Điện Quang	1.5%	5,625,000,000	5,625,000,000
- Công ty CP May Da Sài Gòn	0.8%	3,000,000,000	3,000,000,000
- Công ty Dệt Sài Gòn	0.3%	1,237,000,000	1,237,000,000
- Công ty CP Quản lý Quỹ ĐTCK Thái Dương	3.2%	12,252,670,000	12,252,670,000
- Ngân hàng Thương mại TNHH MTV Đại Dương	11.6%	44,000,000,000	44,000,000,000
- Công ty CP ĐT & Tư Vấn Tài chính Liên Việt	4.2%	16,000,000,000	16,000,000,000
- Cổ đông khác	16.2%	61,469,000,000	61,469,000,000
Cộng	100%	378,700,000,000	378,700,000,000

VII Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	2018	2017
	VNĐ	VNĐ
- Doanh thu cung cấp dịch vụ (cho thuê BDS)	827,511,500	508,479,000
Cộng	827,511,500	508,479,000

3 Giá vốn hàng bán

	2018	2017
	VNĐ	VNĐ
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	627,386,769	471,597,157
Cộng	627,386,769	471,597,157

4 Doanh thu hoạt động Tài chính

	2018	2017
	VNĐ	VNĐ
- Lãi tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn	1,179,613,764	722,724,651
- Lãi cho vay vốn - Công ty CP Đầu tư khinh doanh nhà (INTRESCO)	-	535,666,666
- Lãi từ khoản Đầu tư chứng khoán cổ phiếu	747,165,238	-
- Lãi từ việc nhận cổ tức, lợi nhuận được chia	1,366,544,000	934,624,800
Cộng	3,293,323,002	2,193,016,117

5 Chi phí Tài Chính

	2018	2017
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí lưu ký chứng khoán & phí giao dịch bán chứng khoán	31,280,520	1,487,046
- Chi phí chênh lệch giữa giá bán và giá mua chứng khoán	322,712,663	-
Cộng	353,993,183.00	1,487,046

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2018	2017
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí phải trả lương cho CB-CNV	458,971,319	490,600,491
- Chi phí trích khấu hao TSCĐ	81,579,744	81,579,744
- Chi phí bằng tiền khác	327,604,225	414,176,409
Cộng	868,155,288	986,356,644

7 Chi phí khác (Lỗi khác)

	2018	2017
	VNĐ	VNĐ
- Chi phí thù lao Hội đồng Quản trị	57,000,000	55,000,000
Cộng	57,000,000	55,000,000

10 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	2018	2017
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận kế toán trước thuế	2,214,299,262	1,187,054,270
- Cộng : Các khoản chi phí đã chi không được tính thuế	57,000,000	55,000,000
- Trừ : Doanh thu hoạt động tài chính không chịu thuế	1,366,544,000	934,624,800
Thu nhập tính thuế	904,755,262	307,429,470
- Thuế suất tính thuế TNDN thông thường	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	180,951,052	61,485,894
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	180,951,052	61,485,894

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2018	2017
	VNĐ	VNĐ
Lãi để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,033,348,210	1,125,568,376
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	37,870,000	37,870,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	53.69	29.72

VIII Thông tin khác

- * Trong quý tài chính này, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Số tiền
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát		Thù lao	57,000,000
Công ty CP Đầu tư Kinh doanh nhà	Cổ đông	Cho thuê mặt bằng	284,605,750

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính)

* Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 30/06/2018

Bên liên quan	Mối liên kết	Nội dung	Phải thu	Phải trả
Công ty CP Tập Đoàn Khang Thông	Cổ đông	Gốc và lãi trả chậm	47,222,139.283	
Công ty CP Tập Đoàn Đại Dương	Hợp tác	Vốn góp đầu tư		20,954,247,680
Công ty CP ĐT&TVTC Liên Việt	Cổ đông	Vốn góp đầu tư		161,174,178,268
Công ty CP Dệt may Gia Định	Cổ đông	Vốn góp đầu tư		20,826,000,000

* Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN tại Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh có biến động từ 10% trở lên

Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 2/2017	1,125,568,376
Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 2/2018	2,033,348,210
==> Chênh lệch giữa Quý 02/2018 so với Quý 02/2017	907,779,834
Tương ứng tỷ lệ tăng	80.65%

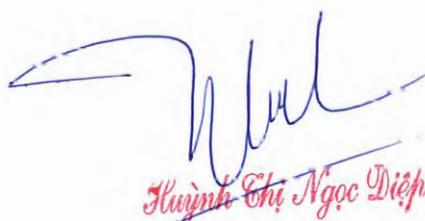
Lợi nhuận sau thuế TNDN Quý 02/2018 tăng so với Quý 02/2017 là do:

- + Doanh thu thuần và doanh thu hoạt động tài chính Quý 02/2018 tăng 1,419,339,385 đồng so với Quý 02/2017, tỷ lệ tăng 52.54%.
- + Tổng chi phí sản suất kinh doanh (bao gồm: giá vốn, chi phí quản lý doanh nghiệp và chi phí hoạt động tài chính) tăng 390,094,393 đồng so với Quý 02/2017, tỷ lệ tăng 26.73%
==> Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh Quý 02/2018 tăng 1,029,244,992 đồng so với Quý 02/2017, tương ứng tương ứng tỷ lệ tăng 82.87%.
- + Lợi nhuận khác Quý 02/2018 tăng 2,000,000 đồng so với Quý 02/2017, tương ứng tỷ lệ tăng 3.64%

Từ những yếu tố trên làm cho lợi nhuận sau thuế TNDN của Quý này tăng so với Quý 02/2017 là: 907,779,834 đồng, tương ứng tỷ lệ tăng 80.65%.

Người lập

Kế toán trưởng


Huynh Thị Ngọc Diệp

TP.HCM, ngày 12 tháng 07 năm 2018



Tổng Giám đốc


Võ Trung Cường